

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính
đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch về quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân và ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao.
- b) Thành viên Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.
- c) Trọng tài, giám sát điều hành, Thư ký các giải thi đấu.
- d) Huấn luyện viên, Vận động viên;
- đ) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

2. Phạm vi áp dụng:

Chế độ chi tiêu tài chính áp dụng cho các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, ngành, huyện, được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quyết định, bao gồm:

- a) Đại hội thể dục thể thao.
- b) Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao.
- c) Hội thi thể thao quần chúng.
- d) Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.
- đ) Các giải thể thao khác.
- e) Các hội thi thể thao khác.

3. Nội dung chi:

- a) Chi tiền ăn, chi tiền thưởng đối với Huấn luyện viên, Vận động viên.
- b) Chi tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở (nếu có) cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết này.
- c) Chi tiền ăn, chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn, Trọng tài và giám sát.
- d) Chi bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên y tế, phiên dịch, công an, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ và nhân viên phục vụ khác.
- đ) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu.
- e) Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, phương tiện truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải.
- g) Chi tổ chức lễ khai mạc, trang trí, tuyên truyền, bế mạc, họp Ban Tổ chức, tập huấn Trọng tài, họp báo.
- h) Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu.
- i) Chi làm huy chương, cờ, cúp.
- k) Các khoản chi khác có liên quan đến việc tổ chức giải.

4. Mức chi:

- a) Chi tiền ăn:

- Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng được quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết này (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn Trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng / người / ngày.

Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đã được bảo đảm chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

- Tiền ăn của Huấn luyện viên, Vận động viên thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ: Được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 03 buổi / người / ngày hoặc 03 trận đấu / người / ngày.

- Đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, ngành:

+ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn: 80.000 đồng / người / ngày.

+ Thành viên các Tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng / người / ngày.

+ Giám sát, Trọng tài chính: 60.000 đồng / người / buổi.

+ Thư ký, Trọng tài khác: 50.000 đồng / người / buổi.

+ Công an, y tế: 45.000 đồng / người / buổi.

+ Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 45.000 đồng / người / buổi.

- Đối với các giải thi đấu thể thao cấp huyện:

+ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng / người / ngày.

+ Thành viên các Tiểu ban chuyên môn: 50.000 đồng / người / ngày.

+ Giám sát, Trọng tài chính: 50.000 đồng / người / buổi.

+ Thư ký, Trọng tài khác: 40.000 đồng / người / buổi.

+ Công an, y tế: 30.000 đồng / người / buổi.

+ Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 30.000 đồng / người / buổi.

c) Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh, huyện như sau:

- Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-VHTT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Liên Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

+ Người tập:

♦ Tập luyện: 30.000 đồng / người / ngày.

♦ Tổng duyệt (tối đa 02 buổi): 40.000 đồng / người / ngày.

♦ Chính thức: 70.000 đồng / người / ngày.

+ Giáo viên quản lý, hướng dẫn: 60.000 đồng / người / ngày.

5. Kinh phí thực hiện:

- a) Nguồn thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình.
- b) Nguồn ngân sách Nhà nước.
- c) Nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và thẩm quyền được giao; khi giá cả thực tế tăng, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh các mức chi, nhưng không vượt quá 20% mức chi tối đa theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ bảy thông qua. / *Dũng*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, VHTTDL;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, VHTTDL;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu (NH).



CHỦ TỊCH

Dũng
Võ Văn Dũng